

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ



QUY TRÌNH

**THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA CÓ CHỖ HÀNG
NHẬP KHẨU, HÀNG QUÁ CẢNH HOẶC CÓ HÀNH KHÁCH HOẶC
THUYỀN VIÊN MANG QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI RỜI CẢNG BIỂN
VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNH SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG
BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM CÓ CHỖ HÀNG NHẬP KHẨU,
HÀNG HÓA QUÁ CẢNH HOẶC CÓ HÀNH KHÁCH HOẶC
THUYỀN VIÊN MANG QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI**

MÃ SỐ	: QT.QLKCHT.05
LẦN BAN HÀNH	: 06
NGÀY BAN HÀNH	: 01/01/2026

Huế, tháng 01/2026

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI ÁP DỤNG
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Văn Thành	Lê Xuân Hoà	Nghiêm Giang Nam
Chữ ký			
Chức vụ	Trưởng phòng QLKCHT	Phó Giám đốc	Quyền Giám đốc

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi
Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Tất cả các trang	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	01	28/11/2022
Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Tất cả các trang	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	02	12/12/2024
Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Tất cả các trang	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	03	08/4/2025
		Thay đổi mã Quy trình		
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành	Các trang có liên quan	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	04	20/10/2025
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành	Các trang có liên quan	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	05	01/01/2026

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thực hiện trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.
- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

4.1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

4.1.1. Định nghĩa: Không áp dụng.

4.1.2. Giải thích từ ngữ:

- Người làm thủ tục: chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục theo quy định với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

- Chuyên viên thủ tục: là người được phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Kê toán thu phí: là người được phân công thu phí, lệ phí hàng hải của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo phòng: là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng hoặc Trưởng Đại diện, Phó Trưởng Đại diện trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo đơn vị: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách trực tiếp, người được ủy quyền.

- Website đơn vị: là Cổng thông tin điện tử của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: cangvuhanghaithuathienhue.gov.vn

4.2. Chữ viết tắt

- ND58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

- ND74: Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ.

- ND34: Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.

- TT261: Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 05/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- TT90: Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- TT74: Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tàu chuyên cảng rời: tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài.

- CVHHTTH: Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế
- CQQLNNCN: Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.
- NLTT: Người làm thủ tục.
- TBTR: Thông báo tàu rời cảng.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;
- Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải;
- Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

5.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Thông báo tàu rời cảng	01 bộ	
2	Bản khai chung		Bản chính

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

3	<i>Danh sách thuyền viên (nếu thay đổi so với khi đến)</i>		<i>Bản chính</i>
4	<i>Danh sách hành khách (nếu thay đổi so với khi đến)</i>		<i>Bản chính</i>
5	<i>Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)</i>		<i>Bản chính</i>

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

5.3. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

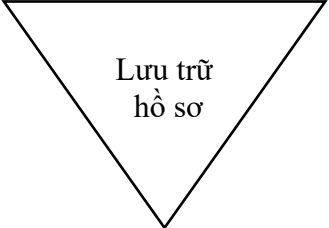
Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Khu vực Thuận An: Trụ sở CVHHTTH - Khu vực Chân Mây: Văn phòng Đại diện Chân Mây. - Tại tàu: đối với tàu du lịch; tàu biển đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo. - Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển nếu thực hiện hồ sơ bằng thủ tục điện tử	Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước xử lý, giải quyết thủ tục chuyên ngành và thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết kết quả và Cảng vụ hàng hải cấp Giấy phép rời cảng cho tàu biển	TT261; TT90; TT74

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

5.4. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Gửi TBTR	NLTT	Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu rời cảng	BM.QLKCHT05.TBTR	Gửi Thông báo tàu thuyền rời cảng theo quy định.
B2	Nộp Hồ sơ thủ tục tàu chuyển cảng rời	NLTT	Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng	BM.QLKCHT05.BKC BM.QLKCHT05.DSTV BM.QLKCHT05.DSHK BM.QLKCHT05.HHNH	Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng, NLTT nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu thủ tục tàu chuyển cảng rời theo quy định.
B3	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Chuyên viên thủ tục	20 phút	BM.QLKCHT05.BSHS BM.QLKCHT05.TCTN BM.QLKCHT05.GBTP BM.QLKCHT05.KSHS BM.QLKCHT05.KQTT BM.QLKCHT05.GPRC	- Kiểm tra hồ sơ và các giấy tờ trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử liên quan theo quy định.. Trường hợp các giấy tờ cần xuất trình không có trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, đề nghị người làm thủ tục cung cấp. - Hồ sơ đầy đủ, lập GBTP chuyển Kế toán thu phí. - Sau khi có kết quả giải quyết thủ tục của CQQLNNCN, chuyển hồ sơ và dự thảo GPRC cho Lãnh đạo phòng xem xét. - Hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung hoặc từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do. Chuyển lại bước 2.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài		Mã số: QT.QLKCHT.05
			Lần ban hành: 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

		Kế toán thu phí			Căn cứ GBTP, Kế toán thu phí tính phí, lệ phí hàng hải cho tàu và thông báo kết quả thu phí, lệ phí hàng hải cho Chuyên viên thủ tục
B4		Lãnh đạo phòng	20 phút	BM.QLKCHT05.GPRC	Xem xét hồ sơ và GPRC: - Nếu đồng ý trình Lãnh đạo đơn vị xem xét. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 3.
B5		Lãnh đạo đơn vị		BM.QLKCHT05.GPRC	Xem xét, kiểm tra GPRC: - Nếu đồng ý: Ký duyệt GPRC; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.
		Chuyên viên thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT05.GPRC BM.QLKCHT05.STD	- Thông báo kết quả giải quyết hoàn thành thủ tục và gửi GPRC cho NLTT. - Trường hợp gửi trực tiếp, đề nghị NLTT ký tên xác nhận vào Sổ theo dõi xử lý hồ sơ
B6		Chuyên viên thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT05.DMHS	Ghi chép hồ sơ tàu vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm theo dõi tàu của cơ quan và lưu hồ sơ theo quy định.
Lưu ý	- Trường hợp tàu đã được cấp giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu được phép rời cảng, tàu đó phải làm lại thủ tục tàu chuyển cảng rời theo quy định tại NĐ58. - Trường hợp quá hạn giải quyết, Chuyên viên thủ tục lập phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả theo Biểu mẫu BM.QLKCHT05.PXL, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian hẹn trả kết quả và thực hiện không quá 01 lần.				

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM.QLKCHT05.TBRC	Thông báo tàu rời cảng
2	BM.QLKCHT05.BKC	Bản khai chung
3	BM.QLKCHT05.DSTV	Danh sách thuyền viên
4	BM.QLKCHT05.DSHK	Danh sách hành khách
5	BM.QLKCHT05.HHNH	Bản khai hàng hóa nguy hiểm
6	BM.QLKCHT05.GBTP	Giấy báo tính phí
7	BM.QLKCHT05.GPRC	Giấy phép rời cảng
8	BM.QLKCHT05.KQTT	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
9	BM.QLKCHT05.BSHS	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
10	BM.QLKCHT05.TCHS	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
11	BM.QLKCHT05.PXL	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
12	BM.QLKCHT05.KSHS	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
13	BM.QLKCHT05.STD	Sổ theo dõi hồ sơ
14	BM.QLKCHT05.DMHS	Danh mục hồ sơ

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Thông báo tàu rời cảng
2	Bản khai chung
3	Danh sách thuyền viên (nếu thay đổi so với lượt đến)
4	Danh sách hành khách (nếu thay đổi so với lượt đến)
5	Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)
6	Giấy báo tính phí

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

7	Liên lưu Giấy phép rời cảng
8	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
9	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
10	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
11	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)
12	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
13	Danh mục hồ sơ
- Hồ sơ thủ tục điện tử được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển - Hồ sơ giấy được lưu tại đơn vị xử lý chính, trực tiếp, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Phòng TCHC của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. - Trường hợp dùng thủ tục điện tử để làm giấy, các hồ sơ điện tử đã xử lý được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển, các hồ sơ giải quyết bằng giấy được lưu tiếp tục theo hồ sơ giấy và ghi mã bản khai đã được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển. - Đối với Hồ sơ thủ tục giấy, Sổ theo dõi giải quyết thủ tục hành chính được lập và lưu theo nhóm lĩnh vực thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng (bao gồm phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB).	

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.TBTR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG

NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng rời Port of clearance		3. Thời gian rời Time of clearance	
4. Số IMO: IMO number		5. Hô hiệu: Call sign		6. Số đăng kiểm: Registry number	
7. Số đăng ký hành chính: Official number					
8. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)					
9. Quốc tịch tàu Flag State of ship	10. Tên thuyền trưởng Name of master	11. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination			
12. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		13. Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners			
14. Chiều dài lớn nhất LOA	15. Chiều rộng Breadth	16. Chiều cao tính không Air draft	17. Mớn nước thực tế Shown draft		
18. Tổng dung tích GT	19. Trọng tải toàn phần DWT	20. Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)			
21. Thông tin hàng hóa 21.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board					

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

21.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo discharging at port 21.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving		
22. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)	23. Số hành khách Number of passengers	24. Ghi chú: Remarks
25. Những người khác trên tàu Other persons on board		

..., ngày... tháng... năm...

Date

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Master (or authorized agent)

Ghi chú:

Note:

Mục 4 và 5 chỉ khai đối với tàu biển.

No 4 and 5: Only for ships.

Mục 6 và 7 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.BKC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

BẢN KHAI CHUNG GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: / IMO number			
1.3 Hồ hiệu: / Call sign			
1.4 Số đăng ký hành chính: Official number			
1.5 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procurer	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Trọng tải toàn phần: Deadweight (DWT)		
11. Số đăng kiểm Registry number			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
....			
Nội địa Domestic cargo			
...			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Hàng trung chuyển Transshipment cargo				
.....				
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
...				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
...				
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passengers	16. Ghi chú: Remarks - Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)				
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

.....ngày ... tháng... năm ...
Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (or authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.

Only on arrival.

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển.

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 11 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 11: Only for inland waterway ships.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.DSTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST**

	Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign		1.7 Số chuyến đi: Voyage number	
1.4 Số đăng kiểm: Registry number	1.5 Số đăng ký hành chính Official number			
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination		

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ số định danh cá nhân/CMND) Nature and No. of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)

..., ngày ... tháng... năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.DSHK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom – Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:		
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure			
1.2 Số IMO: IMO number:		1.3 Hô hiệu: Call sign		1.7 Số chuyến đi: Voyage number			
1.4 Số đăng kiểm Registry number		1.5 Số đăng ký hành chính: Official number					
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)							
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên Family	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place	Loại Hộ chiếu Type of identity	Số hộ chiếu/số định danh cá nhân/CMND Serial number of	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

name, given name		of birth	or travel document	identity or travel document /Personal identification number			passenger or not

...ngày... tháng năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH		Mã số:	QT.QLKCHT.05
	Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài		Lần ban hành:	06
			Ngày ban hành:	01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.HHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number		2. Quốc tịch tàu Flag state of ship		1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name					
1.3 Hô hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading		4. Cảng trả hàng Port of discharge		1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent					
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày ... tháng năm 20 ...
 Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
 Master (Authorized agent or officer)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chợ hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chợ hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số:	QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành:	06
		Ngày ban hành:	01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.GBTP

GIẤY BẢO TÍNH PHÍ TẠI : I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐ Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:..... Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:..... Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash. Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐ Cảng đến..... Cảng rời..... Cảng đến t.theo:..... Đại lý:..... Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../..... Chủ tàu/chủ hàng:..... Mục đích đến cảng:..... Hành khách..... Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:..... + Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐ + Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐ <table border="1"> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th colspan="2">Thời gian neo đậu</th> <th rowspan="2">Ghi chú (Nội/ngoại)</th> </tr> <tr> <th>Từ giờ, ngày</th> <th>Đến giờ, ngày</th> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table> Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:..... Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:..... * Ghi chú:..... II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực III. Phí khác: Ngày.....tháng.....năm 20..... Bộ phận thu phí Bộ phận báo thu	TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày					GIẤY BẢO TÍNH PHÍ TẠI : I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐ Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:..... Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:..... Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash. Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐ Cảng đến..... Cảng rời..... Cảng đến t.theo:..... Đại lý:..... Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../..... Chủ tàu/chủ hàng:..... Mục đích đến cảng:..... Hành khách..... Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:..... + Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐ + Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐ <table border="1"> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th colspan="2">Thời gian neo đậu</th> <th rowspan="2">Ghi chú (Nội/ngoại)</th> </tr> <tr> <th>Từ giờ, ngày</th> <th>Đến giờ, ngày</th> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table> Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:..... Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:..... * Ghi chú:..... II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực III. Phí khác: Ngày.....tháng.....năm 20..... Bộ phận thu phí Bộ phận báo thu	TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày				
TT		Thời gian neo đậu			Ghi chú (Nội/ngoại)																
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày																			
TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)																		
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày																			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chợ hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chợ hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số:	QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành:	06
		Ngày ban hành:	01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.GPRC

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
Vietnam Maritime and Waterway Administration
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ
The Maritime Administration of Thua Thien Hue

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE

Giấy phép rời cảng số:
 Tên tàu:
 Quốc tịch tàu:
 Dung tích toàn phần:
 Số lượng thuyền viên:
 Số lượng hành khách:
 Hàng hóa trên tàu:
 Hàng hóa quá cảnh:
 Rời cảng hồigiờ..... ngày..... tháng..... năm.....
 Có hiệu lực đếngiờ..... ngày... tháng... năm.....
 Cảng đến.....
 Cấpgiờ..... ngày...../...../.....

GIÁM ĐỐC

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hồ hiệu:.....Số đăng ký hành chính (*):.....
 Name of ship Flag State of ship Call sign Official number
 Dung tích toàn phần:.....Tên thuyền trưởng:.....
 Gross tonnage Name of master
 Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:.....
 Number of crews Number of passengers
 Hàng hóa trên tàu:.....
 Cargo
 Hàng hóa quá cảnh:.....
 Transit cargo
 Thời gian rời cảng:..... giờ ngày tháng năm
 Time of departure Date
 Cảng đến:
 Next port of call
 Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đếngiờ.....ngày..... tháng năm.....
 This port clearance is valid until
 Giấy phép số:...../CV.....
 N° Ngày..... tháng..... năm.....
 Date...

(*) Mục này chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
Only for inland waterway ships.

GIÁM ĐỐC
Director

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.KQTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC TÀU THUYỀN KHU VỰC

I. THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN CẢNG

1. Thông tin tàu đến cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....Cảng rời cuối cùng:.....

Hồ sơ, tài liệu tàu: ☐ Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

Hồ sơ, giấy tờ thuyền viên: ☐ Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu đến cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu đến cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202..

**Cảng vụ Hàng hải
Thừa Thiên Huế**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biên phòng CK cảng
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hải quan CK cảng
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm dịch
y tế**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

II. THỦ TỤC TÀU THUYỀN RỜI CẢNG

1. Thông tin tàu rời cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....

Cảng đích:..... Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

- Hồ sơ, tài liệu tàu thuyền thay đổi so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....
.....

- Thay đổi thuyền viên, hành khách so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu rời cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu rời cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202...

**Cảng vụ Hàng hải
Thừa Thiên Huế**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biên phòng CK cảng
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hải quan CK cảng
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm dịch
y tế**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....
.....
.....
.....

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.BSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại..... Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lý do:.....

.....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, ông (bà) liên hệ với
..... số điện thoại..... để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.TCHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TCHS

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.PXL

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../PXL-CVHHTTH

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU XIN LỖI VÀ HẸN LẠI NGÀY TRẢ KẾT QUẢ

Kính gửi:.....

Ngày.....tháng.....năm....., Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài của Ông/Bà/Tổ chức.

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:.....giờ....., ngày tháng.....năm.....

Tuy nhiên đến nay, Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của Ông/Bà/Tổ chức đúng thời hạn quy định ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Lý do:.....

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của Ông/Bà/Tổ chức.

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế xin lỗi Ông/Bà/Tổ chức và sẽ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho Ông/Bà/Tổ chức vào ngày.....tháng.....năm.....

Mong nhận được sự thông cảm của Ông/Bà/Tổ chức vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT.05.KSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Mã số hồ sơ:
Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ:
Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
.....				
.....				
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày.../.../...			
2. Nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	Người giao	Người nhận		

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.STD

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI HỒ SƠ

*Lĩnh vực Thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng
(bao gồm Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)
khu vực(*)*

STT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên, tổ chức/cá nhân	Địa chỉ, số điện thoại	Nhận và trả kết quả				
					Nhận hồ sơ	Hẹn trả kết quả	Trả kết quả	Phương thức nhận kết quả	Ký nhận

Ghi chú:
(*): Theo từng khu vực thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Mã số: QT.QLKCHT.05
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT05.DMHS

DANH MỤC HỒ SƠ

TÊN TÀU..... ☐ **Tàu biển** ☐ **PTTND cấp VR-SB**

MÃ HỒ SƠ:.....

Stt	Danh mục hồ sơ tàu rời cảng	Có	Không
01	Thông báo tàu rời cảng		
02	Bản khai chung		
03	Danh sách thuyền viên (nếu thay đổi so với khi đến)		
04	Danh sách hành khách (nếu thay đổi so với khi đến)		
05	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)		
06	Giấy báo tính phí		
07	Giấy phép rời cảng		
08	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền		
09	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)		
10	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)		
11	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)		
12	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		
13	Một số giấy tờ khác		

Ghi chú: Mã hồ sơ theo định dạng: CVHHTTH-YYMMDD-000X-TCCR-.....

Trong đó:

- YYMMDD là ngày tiếp nhận hồ sơ, bao gồm 06 ký tự số; trong đó: YY là 02 chữ số cuối của năm, MM là 02 chữ số của tháng, DD là 02 chữ số của ngày.
- XXXX là số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày, gồm 04 ký tự số
-: là địa điểm tiếp nhận hồ sơ, khu vực Thuận An: TA, khu vực Chân Mây: CM.